

GÓP PHẦN TÌM HIỂU GÓM CỔ CỦA CƯ DÂN THỜI ĐẠI ĐỒ ĐÁ Ở QUẢNG BÌNH

TRẦN THỊ DIỆU HỒNG

Quảng Bình là tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, có nhiều di tích khảo cổ thuộc các thời đại nối tiếp nhau: Từ thời đại đồ đá, qua thời đại đồ đồng thau đến thời đại sắt sớm. Những hiện vật sưu tầm được từ trước đến nay đã phản ánh quá trình phát triển của văn hoá thời tiền sử và sơ sử ở Quảng Bình nói riêng và vùng Bắc Trung Bộ nói chung. Những phát hiện từ trước đến nay đã nằm trong nhiều Bảo tàng Quốc tế và trong nước, Bảo tàng tỉnh, thậm chí ngày nay nằm trong các Bảo tàng tư nhân và một số cá nhân. Hiện những sưu tập về khảo cổ học thời tiền sử và sơ sử ở Bảo tàng Quảng Bình đã được đăng ký và kiểm kê, bảo quản và chờ có dịp để đưa ra giới thiệu với công chúng. Việc nghiên cứu các sưu tập hiện vật đồ đá, gốm, đồng... chưa được tiến hành nhiều mà chỉ mới bước đầu tập hợp các sưu tập theo chất liệu của từng địa điểm khai quật, phát hiện. Ở bài viết này, tác giả muốn bước đầu đặt vấn đề tìm hiểu về hiện vật gốm của cư dân nguyên thủy thời đại đồ đá thuộc văn hoá Bàu Tró - Văn hoá đặc trưng của thời đại đồ đá ở Quảng Bình.

Cho đến cách đây 3 vạn năm xuống 2 vạn năm, con người hiện đại (homo sapien) đã sống rải rác trên cả nước ta. Họ đã biết chế tạo công cụ chặt đẽo, săn thú gọi là công cụ đồ đá cũ. Công cụ đá cũ được đập ghè đẽo từ đá gốc thành những chiếc rìu hình hạnh nhân và mảnh tước. Cho đến cuối thời đại đồ đá cũ cách ngày nay 18.000 năm xuống 11.000 năm cũng chưa phát hiện được ở Quảng Bình. Tiếp Văn hoá Hoà Bình ở Quảng

Bình đã tìm thấy manh nha của con người trên các hang động sinh sống do quá trình biến tiến. Người Hoà Bình ở Quảng Bình đã biết chọn những hòn cuội có hình thù sẵn để chế tạo thành những công cụ chặt, đẽo, xiên - Còn gọi là văn hoá đá cuội. Họ ăn ốc nhiều và để lại trong các di tích tầng văn hoá dày tới hàng mét vỏ ốc, còn gọi là văn hoá những người ăn ốc. Họ phát hiện ra lửa và làm chín thức ăn, ở chỗ xương có nhiều ám khói. Họ ý thức về màu sắc, biểu hiện ở công cụ, xương súc vật có nhiễm màu đỏ thổ hoàng. Văn hoá Hoà Bình kéo dài 12.000 - 7.000 năm trước công nguyên. Kế tiếp theo Văn hoá Hoà Bình đã làm cuộc cách mạng đá bước vào thời kỳ đá mới. Chủ nhân nền văn hoá này đã biết chọn những hòn cuội phơ la tit cấu tạo hạt nhỏ mịn rần thay cuội hạt to để làm công cụ và biết mài đá làm cho công cụ sắc hơn.

Địa bàn văn hoá đá mới ở Quảng Bình có ở Bàu Tró, Minh Cẩm, Cồn Nền, Ba Đồn và sau này là Lệ Kỳ, Tuyên Hoá, Minh Hoá, Quảng Ninh, Đồng Hới... Đặc điểm chung của văn hoá đồ đá mới là công cụ đá mài, tiêu biểu như rìu, bôn có vai, tứ giác, cùng nhiều công cụ bằng xương khác. Đặc biệt đã biết chế tạo gốm với nhiều kích cỡ. Nghề làm gốm ra đời là hệ quả của hàng loạt những tiến bộ trong các hoạt động kinh tế của cư dân thời nguyên thủy và đồng thời như là một tất yếu của tổng hợp các yếu tố, các điều kiện kinh tế, kỹ thuật, xã hội - văn hoá. Gốm ra đời thoả mãn nhu cầu về cái đựng của con người. Vì thế không thể đặt ngang tầm của việc sản xuất gốm với các

nghề chế tác đá và sau này là thời kỳ đồ đồng. Người Văn hoá Bàu Tró đã biết trồng trọt, đánh cá, nuôi súc vật, có vải mặc và biết làm đẹp bằng đồ trang sức vỏ sò, ốc, đá mài. Hậu kỳ đá mới có niên đại khoảng 7.000 năm - 3.000 năm trước công nguyên. Chủ nhân của văn hoá này đã biết chọn những hòn cuội phơ la tít cấu tạo hạt nhỏ, mịn rắn thay cuội hạt to để làm công cụ và biết mài đá làm cho công cụ sắc hơn.

Văn hoá Bàu tró là một trong những văn hoá hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí. Với các hiện vật thời kỳ này thu nhận về với đủ loại hình từ hang động, vùng đá vôi karst đến bãi cát ven bãi, cồn cát, đầm... Số lượng hiện vật thời kỳ đầu của văn hoá thời đại đồ đá mới thuộc văn hoá hang động được tìm thấy ở các hang cửa Công, xã Hoá Thanh (Minh Hoá). Hiện vật được tìm vào tháng 5/1959 có 9 mảnh gốm có chất liệu pha cát, thành mỏng mịn, màu xám nâu, trang trí hoa văn thừng, văn chải là chủ yếu. Ngoài ra còn có hoa văn khắc vạch, trang trí bằng cách miết láng. Loại gốm có chất liệu thô, bề mặt sần sùi, không có trang trí hoa văn, kiểu dáng đơn giản, đáy tròn, không có chân đế. Chủ nhân của Văn hoá này có lẽ là sau văn hoá Hoà Bình nên họ vẫn cư trú trong các hang động, thuộc gốm muôn. Chất liệu của gốm pha cát, hoa văn chải, văn thừng. Niên đại khoảng từ 5.000 - 4.000 năm cách ngày nay.

Gốm hậu kỳ đồ đá mới trong kho Bảo tàng Quảng Bình có khoảng 1.880 mảnh (Không còn nguyên một dụng cụ nào). Qua tìm hiểu có thể cho thấy đó là mảnh của đồ đựng như vò, nôi, chậu hũ của đồ đựng và đồ đun nấu. Khối lượng lớn và phong phú về loại hình, kỹ thuật chế tạo cũng như hoa văn trang trí.

Màu sắc của gốm có 3 loại: Đỏ, xám và đen. Trong đó gốm xám là phổ biến nhất chiếm 75% trong tổng số gốm thu được, một số mảnh màu đỏ và tô đen ánh chì chiếm 13%, gốm đen chiếm 18%. Gốm đỏ có loại đỏ nâu xương hơi thô. Trong ba loại đều có gốm thô và mịn trong mỗi loại. Loại gốm thô thường có hoa văn thừng, văn

thừng biến thể giống hoa văn in mai rùa. Trong nhóm này có thể phân thành ba loại dựa theo màu xám thô, đen thô, đỏ thô. Loại gốm xám thô và đen thô thường gắn với loại gốm được trang trí hoa văn thừng biến thể miệng loe, mép vê cuốn hình con sâu và miệng cúp kiểu công cá vàng. Loại gốm đỏ thô thường đi liền với gốm văn thừng miệng loe. Loại gốm mịn có tỉ lệ thấp. Có hoa văn kết hợp giữa khắc vạch miết láng với in chấm và gắn liền với các loại hình đồ dùng nhỏ. Sự khác nhau về chất liệu thể hiện qua màu sắc và độ mịn của của xương gốm có thể là do tỉ lệ và kỹ thuật pha cát tạo nên các dạng đất gốm khác nhau, phù hợp với việc chế tạo những loại hình gốm có chất lượng, kiểu dáng, hoa văn khác nhau.

Kỹ thuật chế tạo gốm: Trong các di chỉ Bàu Tró, Cồn Nền, Ba Đồn, Lệ Kỳ, Hang Trăn, Lèn Lơi... hiện vật thu được cho thấy người thợ gốm đã nắm vững các khâu kỹ thuật trong quy trình chế tạo gốm, từ pha chế nguyên liệu đến kỹ thuật trong quy trình chế tạo tạo dáng, xử lý bề mặt, trang trí hoa văn và nung chín. Dùng nguyên liệu bằng đất sét pha cát để giảm bớt độ dẻo, dễ nhào nặn, vừa để tăng độ bền, tránh rạn nứt khi nung và còn biết điều chỉnh hợp lý tỉ lệ cát nhiều hay ít và sử dụng cát thô hay mịn cho từng loại đồ gốm với chức năng và công dụng khác nhau.

Kỹ thuật tạo dáng: Dùng kỹ thuật bàn xoay, bàn dập, hòn kê kết hợp nặn bằng tay, kỹ thuật bàn xoay chỉ hỗ trợ trong tu chỉnh phần miệng, vai và đế khi việc tạo dáng đã cơ bản được hoàn chỉnh. Phản ánh rõ nét và khá hoàn chỉnh trên mảnh gốm. Mảnh miệng, chân đế thường có độ tròn đều và những vết xước có chạy vòng quanh cách đều nhau, đó chính là dấu vết của kỹ thuật bàn xoay. Mặt phần thân thường có dấu vết lồi lõm không đều có khi còn chồng xen nhau tạo thành những gợn nôi. Đó chính là dấu vết của hòn kê, kỹ thuật bàn dập - hòn kê khi tạo dáng.

Kỹ thuật xử lý bề mặt: Gốm được phủ một lớp áo mỏng bên ngoài để che lấp xương gốm cũng như dấu vết kỹ thuật khi tạo dáng làm cho

gốm bền đẹp. Khi tạo dáng xong có thể họ quét lên một lớp sét pha loãng nước rồi phơi se mới nung. Nếu là gốm màu thì cho lẫn thổ hoàng để có gốm màu đỏ.

Kỹ thuật nung: Gốm nung ở nhiệt độ tương đối cao, chín đều, màu sắc tương đối thuần nhất chứng tỏ họ đã chủ động điều chỉnh, khống chế nhiệt độ lò nung theo yêu cầu khoảng 650°C nên gốm bền, dễ vỡ.

Loại hình gốm: Cũng chỉ đoán định qua các mảnh của gốm: miệng, thân, đáy để có thể có loại như nôi, vò, bình, chậu, bát, mâm bông, chạc gốm... Loại gốm miệng loe (Loe cong mép về cuốn hình con sâu, miệng loe mép nhọn lẫn miệng loe gãy).

Mảnh đáy: đa số đáy tròn, có chân đế thấp và chân đế cao. Chân cao có dấu bàn xoay, trang trí hoa văn khắc vạch. Cao khoảng 2,1 đến 5cm, thân hơi choãi.

Loại miệng loe cuốn về tròn tạo thành gờ ngoài mép miệng cuốn hình con sâu thường có cổ ngắn, bụng phình rộng, đáy tròn, có chân đế, trang trí văn thừng biến thể gần sát thành miệng. Mặt trong phủ một lớp áo mỏng màu đỏ, xương gốm mỏng, miệng thường để trơn, thành miệng dày.

Loại miệng loe xiên, thắt ở cổ, bụng phình rộng, đáy tròn, thân trang trí văn thừng từ vai trở xuống, đường kính miệng rộng. Gốm có miệng loe gãy thường có ở gốm màu xám, trang trí hoa văn với đồ án hình chữ S, thoi, móc, gân lá. Kỹ thuật khắc vạch, miết láng, chám giải và trở lỗ tròn, hoa văn thường trang trí ở gần miệng và vai.

Gốm có miệng thẳng đứng rìa mép được vuốt cong hoặc bằng thành miệng, văn thừng trang trí gần sát mép miệng (Di chỉ Ba Đồn có 1 số trang trí văn chải). Mảnh vỡ của gốm đáy nhọn.

Đồ gốm có miệng khum, cụp vào, kiểu miệng cồng cá vàng. Mặt trong trang trí màu đỏ, mặt ngoài hoa văn thường tối sát mép miệng. Xương gốm màu xám đen. Miệng gốm loại này thường có đáy tròn gần bằng.

Gốm có tai: có gắn tai ở gờ thành miệng để cầm di chuyển, nung (Bàu Tró, Ba Đồn 1 (50), Ba Đồn 2 (2), Cồn Nền (28)). Kiểu dáng của gốm có tai có hai loại: Loại tai có mặt cắt hình bầu dục, dẹt, đầu phía ngoài hơi uốn cong, gần giống ngón tay cái. Thân trơn không có hoa văn. Và một loại là tai có dạng hình thang có trang trí hoa văn khắc vạch. Chỉ có một số ở Ba Đồn 2, Bàu Tró.

Cốc gốm: có miệng loe, thành cốc vát thẳng từ dưới lên. Mặt ngoài trang trí hoa văn khắc vạch theo đường chạy xiên từ miệng xuống thân. Mỗi băng gốm ba đoạn chạy thẳng dài song song và vạch ngắn cắt ngang tạo thành những hình chữ nhật hay ô trám nhỏ. Cốc có chân đế. Mặt ngoài chân đế uốn cong hình lòng máng, có ở Bàu Tró, Ba Đồn 1, Cồn Nền (1 chiếc 1 nơi).

Loại gốm mâm bông ở Cồn Nền: có hoa văn khắc vạch với in chám và miết láng, đánh bóng. Lòng được đánh bóng và tô màu đỏ. Mặt ngoài trang trí hoa văn khắc vạch.

Gốm “Chân giò” ở Cồn Nền, Ba Đồn 1, Ba Đồn 2: Hình dáng có hình trụ, lòng rỗng, mặt ngoài trang trí hoa văn chải, chất liệu gốm thô, thành dày, màu gạch non...

Hoa văn của gốm: có thể phân thành hai bộ phận chính; được tạo bằng cách in, chải và hoa văn khắc vạch, trở lỗ:

Hoa văn in, chải: có văn thừng, văn mai rùa. Văn thừng thẳng và thừng biến thể: Được tạo bởi những vết lõm tròn rộng hơn những vết lõm của văn thừng thẳng nhưng được bố trí nối tiếp nhau và in dày đặc trên thân gốm như văn thừng. Có thể được tạo bằng một loại bàn đập có dây se thừng. Tạo hoa văn thừng bằng cách cuộn dây thừng lên một phiến gỗ rồi in hay đập lên mặt ngoài của đồ đựng trước khi nung. Lúc mặt gốm còn ướt có thể họ cuộn dây thừng lên một ống lăn bằng tre hay gỗ, ở giữa có trục lăn trên mặt gốm. Đường nét của hoa văn dấu thừng trên mặt gốm thô hay mịn, song song hay chéo là phụ thuộc vào việc cuộn dây thừng lên công cụ tạo hoa văn. Nếu cuộn thừng thô thì cho văn thừng thô và ngược

lại. Riêng tạo hoa văn thừng chéo thì có nhiều phương pháp khác nhau. Hoặc cuộn thừng chéo lên công cụ tạo hoa văn hoặc cuộn song song rồi đập hay lăn in hai lần chéo lên mặt gốm.

Văn thừng thường được tạo bằng thừng se mịn. Văn thừng biến thể kiểu mai rùa, tạo thành từng tét lóng thô kiểu đan sợi đôi.

Văn in mai rùa giống văn thừng biến thể nhưng khác ở chỗ không có vết se của dây thừng. Có thể họ dùng vỏ mai rùa để in lên mặt gốm: Cồn Nền, Ba Đồn 2.

Hoa văn khắc vạch, trở lỗ: được trang trí bằng một dụng cụ có răng nhọn để khắc hay vạch lên những đồ của mặt gốm khi tạo dáng xong. Có những đường vạch ngắn song song hay cắt chéo tạo thành hình thoi hoặc hình vuông, có kết hợp vạch dài vạch ngắn tạo thành băng chạy dọc thân vòng quanh vai đồ đựng. Có những mô típ cách điệu hình gân lá, búp hoa, đường uốn sóng, đường cong cắt chéo... Phổ biến hoa văn khắc vạch kiểu khuông nhạc được tạo bởi dụng cụ có ba đến năm răng giống bút kẻ khuông nhạc nên đã tạo nhiều mô típ khác nhau như khuông nhạc, có khi là cụm đoạn thẳng chéo nhau tạo hình tam giác, có khi là sóng kép uốn lượn như hình chữ S trang trí trên những loại gốm có tô màu, kết hợp văn in chấm; miết láng để trang trí hoàn chỉnh. Kết hợp với kỹ thuật miết bóng quét màu trên loại trang trí hoa văn khắc vạch. Loại hoa văn in chấm to bằng đầu đũa hay cuống rạ hoặc đầu tăm kết hợp với nhau thành dải nên gọi là văn chấm dải. Có thể kết hợp nhiều loại hoa văn trên một dụng cụ như: văn thừng, khắc vạch, chấm dải, tô màu. Hoa văn trang trí ở phần thân cổ là màu, còn vai và thành miệng và chân đế thì hoa văn khắc vạch. Ở Ba Đồn có đồ án khắc vạch hoa văn sóng nước, ô trám còn thêm khắc hình gân lá. Kết hợp với kỹ thuật miết bóng để tạo nên đồ án hoa văn đẹp trên nền thừng ở Ba Đồn 1, 2; Cồn Nền. Có thể họ dùng đầu ngón tay hay một dụng cụ nào đó trơn một đầu để miết trượt trên nền thừng nhằm tạo mô típ nhẵn bóng.

Kỹ thuật quét màu: Thường dùng màu đỏ, đen ánh chì trang trí lên loại đồ đựng có miệng loe xiên, cổ eo, miệng khum kiểu công cá vàng.

Thường có hoa văn dấu thừng, màu đỏ chỉ quét trong lòng từ eo đến cổ hoặc mép miệng trở xuống. Màu quét trước khi nung nên có màu đỏ sẫm, bóng láng và bền đẹp. Đỏ xen ánh chì thì tô sau khi nung màu tươi chóng phai.

Văn trở lỗ: Lỗ tròn được xuyên qua thành gốm, lỗ cách đều nhau gần mép miệng hay chân đế đồ đựng thường có ở gốm Bàu Tró.

Về chất liệu: Họ biết chọn loại đất sét dẻo, mịn, để làm gốm. Để tránh rạn nứt khi nung thường trộn lẫn cát và vỏ sò ốc hay thực vật giã nhỏ vào đất sét khi nhuyến để tạo thành hình. Lò nung đạt nhiệt độ trung bình 650°C nên gốm bền.

Về chất liệu: Phổ biến gốm thô, xương pha lẫn cát hạt to, vụn của vỏ nhuyến thể. Còn một số ít gốm mịn, thành mỏng, độ nung cao, gốm chín đều. Cho thấy cư dân đạt đến trình độ cao trong pha chế nguyên liệu, tạo dáng và kỹ thuật nung gốm.

Loại hình phong phú đa dạng dùng để đựng, chôn cất người chết (vò) thờ cúng (mâm bồng).

Niên đại: khoảng 3.500 - 4.000 năm cách ngày nay.

Chất liệu loại hình và hoa văn trên đồ gốm đã bộc lộ rõ cuộc sống ổn định, lâu dài của cư dân Bàu Tró trên đất Quảng Bình. Bên cạnh loại hình đồ đựng, đồ thờ cúng, tín ngưỡng, còn dùng để tích trữ lương thực.

Gốm được làm bằng tay kết hợp với bàn đập, hòn kê, có sự tham gia của kỹ thuật bàn xoay ở khâu tu chỉnh hình dáng. Có thể nói, Quảng Bình là một trong những nơi khởi đầu cho trang trí gốm bằng tô màu. Chứng tỏ cư dân nguyên thủy Bàu Tró đã có một trình độ phát triển về nghề gốm nên từ kỹ thuật, chất liệu đến tạo dáng đẹp, tạo hoa văn, trang trí, nung đều đạt đến trình độ nhất định. Có lẽ vì thế mà tồn tại và để lại cho lớp cư dân kế tiếp sau đó để có những bước tiến

mới trong sản xuất gốm thủ công của người Quảng Bình sau này. “Đó là một thành tựu vĩ đại nhất trong toàn bộ dĩ vãng của con người thời tiền sử” (Lê Đình Phúc).

Tầng văn hoá dày và đồ gốm nhiều trong di chỉ chứng tỏ trong nơi cư trú họ đã sống định cư lâu dài. Chức năng quan trọng của gốm là dùng đựng lương thực, đun nấu. Nếu như không có nông nghiệp phát triển thì không có cuộc sống định cư lâu dài và cũng sẽ không cần một lượng đồ gốm nhiều như ở di chỉ Ba Đồn, Cồn Nền, Bàu Tró... Tuy nhiên ta vẫn chưa thể phục dựng nguyên dạng các kiểu công cụ. Sang đến hậu kỳ đá mới mới có thể có được một số kiểu dáng của một số hiện vật gốm tùy theo chức năng sử dụng của người nguyên thủy. Nồi đun nấu có dạng thấp, rộng, bát có đế vững chãi. Điều kiện để nghề gốm của cư dân nguyên thủy thời đại đồ đá phát triển là do nông nghiệp phát triển, nên việc làm gốm, kỹ thuật gốm để tạo ra đồ đựng, đồ đun nấu, đồ dùng trong sinh hoạt cũng vì thế phát triển và rất phong phú về chủng loại. Do nhu cầu cuộc sống của người nguyên thủy phát triển, đòi hỏi nguyên liệu đất sét cũng có hầu khắp mọi nơi. Có những vùng phải trao đổi ở những nơi tương đối gần nhau (do gốm công kênh, dễ vỡ, khó vận chuyển). Việc sản xuất gốm có thể đã trở thành một làng nghề chuyên chế tạo gốm. Gốm giai đoạn đầu ta thấy trang trí hết sức đơn giản và thực dụng là yếu tố đặt lên hàng đầu của gốm. Sang gần hậu kỳ đá mới sơ kỳ kim khí gốm bắt đầu được chú ý nhiều đến yếu tố thẩm mỹ. Nó đã phục vụ con người rất đắc lực trong đời sống đến tinh thần. Có thể nói văn minh của loài người bắt đầu từ sự phát sinh ra đồ gốm. Sự liên kết giữa đất và lửa. Sự thay đổi để kết hợp giữa nhu cầu và sử dụng với thẩm mỹ, giữa đôi bàn tay khéo léo với với cái đầu ngày càng tinh khôn để tạo ra các kiểu loại sản phẩm với hoa văn trang trí và được tiến hành khi xương gốm còn ướt hoặc hơi se. Người trang trí trực tiếp tác động lên sản phẩm một cách phóng túng và theo thói quen chứ không theo

khuôn mẫu. Qua các sản phẩm cho thấy đó là cả một hoa văn hình học phong phú và đa dạng đã có tác dụng lâu dài cho đến thời kỳ sau này.

Như vậy ngoài nhu cầu về kinh tế, cho thấy người nguyên thủy thời đại đồ đá ở Quảng Bình đã có những bước tiến quan trọng trong việc làm thoả mãn đời sống tinh thần. Những trang trí hoa văn khắc vạch, in, tô màu, hay khuông nhạc, chân giò... đã cho ta một bức tranh cụ thể về đời sống tinh thần và trình độ thẩm mỹ của người nguyên thủy ở Quảng Bình. Họ cũng đã ý thức trong việc quan tâm đến người chết, thể hiện qua việc chôn cất người chết bằng cách dùng vò gốm trong di chỉ Cồn Nền - Khởi đầu cho truyền thống văn hoá mộ vò ở Bắc miền Trung nói chung và Quảng Bình nói riêng.

Có thể nói, gốm là sự phản ánh, là thành quả của sự gia tăng phát triển, trước hết là của các hoạt động kinh tế và sau đó mới là của xã hội và thẩm mỹ văn hoá. Về lĩnh vực nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người, đồ gốm là một trong những nguồn tư liệu có giá trị, vì nó phản ánh trung thành, chính xác trình độ và khả năng con người làm ra nó, chỉ rõ niên đại xuất hiện của gốm để làm căn cứ xác định niên đại của các dấu tích khác cùng tầng văn hoá và chất liệu gốm dường như không bị thời gian huỷ hoại và làm biến dạng nếu được cất giữ trong lòng đất. Do vậy các thông tin thu được từ xử lý tài liệu gốm là đáng tin cậy và độ chính xác cao. Kỹ thuật làm gốm cũng phát triển từ đơn giản đến phức tạp. Từ bằng tay nặn, sửa chỉnh hình dáng, sau dùng bàn đập, sửa chỉnh hoặc sau đó cuộn thành giải từ đáy lên miệng theo một hình nào đó rồi miết các mạch nổi, sửa sang theo cách trên. Và cuối cùng là bàn xoay. Từ bàn kê xoay không có trục, bàn kê quay có trục sau đó là bàn xoay bằng tay và cao hơn bàn là bàn xoay đạp bằng chân. Dùng bàn xoay để chỉnh sửa hình gốm, miệng gốm. Từ hiện vật gốm để tìm hiểu chất liệu nung và kỹ thuật nung gốm. Gốm đen có pha nhiều tạp chất thì nung ở nhiệt độ không quá 500°C trong các lò nung

ngoài trời. Sau lò nung lên 600 - 700°C, hoa văn trang trí của gốm thời đại đồ đá trong các di chỉ Cồn Nền, Ba Đồn, Bàu Tró phong phú về kiểu loại. Hoa văn là chứng cứ về quá trình phát triển về kinh tế - xã hội của cư dân nguyên thủy thời đại đồ đá sơ kỳ kim khí ở Quảng Bình. Từ gốm có thể đoán định các chức năng của một số loại gốm như chân giò, chạc gốm có thể là những công cụ chuyên dùng để giữ lửa, ủ lửa, chuyển lửa của người nguyên thủy hoặc dùng để làm đồ đốt lửa trong các nghi thức thờ cúng đã có từ thời đó - một hình thức tín ngưỡng của người nguyên thủy, góp phần đưa xã hội thoát dần khỏi trạng thái của thời nguyên thủy, từ gốm có thể khẳng định thêm một điều rằng con người nguyên thủy đã biết chế biến thức ăn qua lửa thông qua hệ thống đồ đựng, đồ đun nấu làm bằng gốm. Như vậy cũng có thể nghĩ rằng đồ gốm đã cùng xuất hiện với sự hình thành của người hiện đại.

Cũng từ những mảnh gốm có thể suy luận và khẳng định con người nguyên thủy đã phát triển trong các hoạt động kinh tế đạt được giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật sáng tạo ra hình dạng đồ gốm trên cơ sở của nghệ thuật tạo dáng đồ đan. Gốm tô màu, kiểu đáy bằng, đáy nhọn chứng tỏ con người đã suy nghĩ để tạo dáng đồ vật. Từ sáng tạo mẫu mô phỏng tự nhiên đến sáng tạo mẫu trong tư duy lô gic trên đồ gốm. Như vậy, nghệ thuật tạo dáng là nền móng ban đầu của nghệ

thuật gốm đầu tiên của con người. Sau đó mới đến nghệ thuật trang trí làm đẹp sản phẩm bằng các đồ án hoa văn, có nhiều kiểu loại mang tư duy nghệ thuật trang trí lên gốm trước khi nung như đã trình bày ở phần trên. Sự phát triển của gốm đã kéo theo hàng loạt hoạt động kinh tế nguyên thủy phong phú khác để phục vụ nhu cầu của họ giúp phát triển cộng đồng. Từ tạo dáng đến việc hiện diện của dọi xe sợi bằng gốm trong di tích khảo cổ học hậu kỳ đá mới cho phép nghĩ đến đây có thể là công cụ dùng để kéo sợi dệt vải của cư dân nguyên thủy. Khả năng dùng để dệt nhưng cũng có khả năng để kéo bện những tấm áo khoác bằng bẹ cây ở công đoạn đơn giản tạo ra những tấm che thân.

Tìm hiểu và nghiên cứu về gốm thời đại đồ đá từ tạo dáng đến nghệ thuật... như một số nhà khảo cổ học thường nói, đồ gốm như là diện mạo, là hơi thở, là nhịp đập của một văn hoá. Đồ gốm là tiêu chí hàng đầu giúp ta xác định hay phân lập một vùng văn hoá khảo cổ. Nghiên cứu về gốm cổ là để hiểu thêm về một nghề gốm trước đây, cũng từ đó có tính kế thừa và nâng cao tính truyền thống. Có kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị của hiện vật. Bởi trong lòng của Văn hoá Bàu Tró đã mang những yếu tố của các nền văn hoá sau nó, góp phần tạo nên bản sắc riêng của nền văn hoá trên đất Quảng Bình.

T.T.D.H

Tài liệu tham khảo:

- Viện Đông Nam Á (1996) - *Biển với người Việt cổ* - Nxb VHNT.
- Bùi Thiết (2000) - *Việt Nam thời cổ xưa*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- Lê Đình Phúc (1997) - *Tiền sử Quảng Bình* - Nxb KHXH, Hà Nội.
- Lê Đình Phúc (1983) - *Bản đồ khảo cổ học Bình Trị Thiên thời đại đồ đá sơ kỳ kim khí* - Khoa Sử - Đại học Tổng hợp Huế in roneo.
- Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Sở Văn hoá Thông tin Khánh Hoà (1993) - *Văn hoá xóm Cồn với tiền sử Khánh Hoà*.
- *Kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ yếu hội thảo của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình (12/2005)* - Chia sẻ nguồn lực thông tin và công bố kết quả nghiên cứu khoa học.
- *Một số tạp chí Khảo cổ học*.